

	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	254	87	116	51
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	222 (87.40%)	74 (85.06%)	100 (86.21%)	48 (94.12%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	26 (10.23%)	10 (11.49%)	13 (11.21%)	3 (5.88%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	5 (1.96%)	2 (2.3%)	3 (2.59%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.39%)	1 (1.15%)	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	254	87	116	51
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	76 (29.92%)	31 (35.63%)	31 (26.72%)	14 (27.45%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	159 (62.59%)	47 (54.2%)	76 (65.52%)	36 (70.59%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	18 (7.08%)	9 (10.34%)	8 (6.9%)	6 (1.96%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.49%)	0	1 (0.86%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)				
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3	2	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	51			51
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	51 (100%)			51 (100%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	106 (41.2%)	40 (44.9%)	42 (35.9%)	24 (47.1%)
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	6 (2.3%)	1 (3.3%)	3 (2.6%)	2 (3.9%)

V. TÀI CHÍNH

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục

Thực hiện công khai theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân

Năm 2024 trường THPT Xuân Thủy đã công khai các khoản thu chi tài chính (Thời điểm công khai tháng 1 năm 2024 đến hết tháng 12 năm 2024, công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)

2. Công khai thu tài chính và các khoản thu khác của năm học 2023-20234 và năm học 2024-2025

- **Thu học phí năm học 2023-2024**

Khối 10: 700.000đ/tháng

Khối 11: 900.000đ/tháng

Khối 12: 1.100.000đ/tháng

- **Thu học phí năm học 2024-2025**

Khối 10: 1.000.000đ/tháng

Khối 11: 1.200.000đ/tháng

Khối 12: 1.400.000đ/tháng

- **Thu BHYT:**

Thực hiện nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế (BHYT); Hướng dẫn liên ngành số 3037/HD-LN ngày 28/11/2014 về việc thực hiện BHYT học sinh sinh viên (HSSV); Công văn số 2782/UBND-BHXXH ngày 14/8/2024 của UBND quận về việc triển khai BHYT HSSV năm học 2024-2025;
Mức thu đối với học sinh Khối 10,11 (12 tháng): 884.520 đồng
Mức thu đối với học sinh Khối 12 (9 tháng): 664.000 đồng

- **Thu thỏa thuận**

Tiền nước uống: 10.000đ/học sinh/tháng thực học

- **Thu khác**

- Bảo hiểm thân thể: cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với học sinh.

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp

3. Dự kiến mức thu học phí và các khoản thu khác của 2 năm học tiếp theo (Năm học 2025-2026, năm học 2026-2027)

- **Thu học phí**

Khối 10: 1.000.000đ/tháng

Khối 11: 1.200.000đ/tháng

Khối 12: 1.400.000đ/tháng

- **Thu BHYT:** Thực hiện thu theo văn bản quy định

- **Thu thỏa thuận**

Tiền nước uống: Dự kiến 10.000đ/học sinh/tháng thực học

- **Thu khác**

- Bảo hiểm thân thể: cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với học sinh.
- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.
- Thu theo tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp

4. Các khoản chi năm 2024

- o Chi trả lương và các khoản theo lương: 1.588.277.707 đồng
- o Chi đóng BHXH cho người lao động: 168.140.000 đồng

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2024 của Trường THPT Xuân Thủy theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- SGD;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS trường;
- Website của trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG
Trần Văn Mùi